MỘT CÁCH HIỂU VỀ TỪ ĐỊA PHƯƠNG

Hồ Văn Tuyên
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Từ địa phương có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển ngôn ngữ dân tộc. Nhiều nhà Việt ngữ học đã xem giữa từ địa phương và từ toàn dân có đường ranh giới khá rõ ràng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc nhận diện hai hệ thống từ vựng này là không dễ. Chúng tôi cho rằng giữa chúng có một đường ranh giới mờ. Sự phân biệt từ địa phương và từ toàn dân trở nên khó khăn khi chúng ta đang có sự nhầm lẫn giữa từ toàn dân bị biến âm với từ địa phương, chưa phân định rạch ròi giữa từ cổ (từ toàn dân xưa) và từ địa phương, chưa rõ ràng trong việc phân định từ địa phương cho mỗi vùng phương ngữ, còn có một bộ phận lớn từ toàn dân đang được người địa phương sử dụng mà không thể xem là từ địa phương và xu hướng từ địa phương đã và đang nhập vào vốn từ toàn dân. Đây là những nguyên nhân tạo nên một đường ranh mờ giữa từ địa phương và từ toàn dân.

Từ khóa: *từ địa phương, từ toàn dân, phương ngữ.*

1. Đặt vấn đề

Về con đường hình thành ngôn ngữ toàn dân, chúng ta thấy có hai hướng quan niệm, tạm gọi là hướng lựa chọn và hướng phân loại. Hướng lựa chọn cho rằng ngôn ngữ toàn dân thực chất là ngôn ngữ của một địa phương nào đó nhưng có nhiều đặc điểm "chuẩn" hơn các ngôn ngữ địa phương khác và "vì lí do đặc biệt nào đó, đã đạt được sự vượt nổi trên các phương ngữ khác của quốc gia" [3:14]. Ngược lại, hướng phân loại lại quan niệm: "phương ngữ là biến thể địa phương của ngôn ngữ toàn dân được hình thành trong quá trình lịch sử" [1:57] hay "phương ngữ là biến dạng địa phương của một hệ thống ngôn ngữ được hình thành trong quá trình lịch sử" (Ăngghen).

Ngôn ngữ toàn dân dù theo quan niệm nào, nó được hình thành theo hướng nào thì chúng ta đều thấy rằng ngôn ngữ toàn dân và ngôn ngữ địa phương có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chính điều này đã tạo nên đường ranh giới không rõ ràng giữa ngôn ngữ toàn dân và phương ngữ nói chung, giữa từ toàn dân và từ địa phương nói riêng. Mối quan hệ mật thiết này gây nên đường ranh mờ khó phân biệt một cách rạch ròi giữa từ địa phương và từ toàn dân.

Hai khái niệm "từ toàn dân" và "từ địa phương" mà lâu nay nhiều người mặc định đúng là: từ toàn dân là những từ được mọi người dân hiểu và sử dụng, từ địa phương là những từ chỉ có những người địa phương hiểu và sử dụng. Cách hiểu này khiến dẫn đến việc phân biệt một cách cứng nhắc và máy móc hai hệ thống từ vựng: từ địa phương và từ toàn dân.

2. Nhầm lẫn giữa từ toàn dân bị biến âm với từ địa phương

Những từ ngữ bị biến âm địa phương của từ toàn dân (biến âm do cách phát âm hay do giọng nói của người địa phương) được các từ điển phương ngữ ghi nhận thì không nên xem là từ ngữ địa phương bởi vì

về nghĩa, về chức năng ngữ pháp chúng không khác nhau. Có chăng, chúng chỉ khác chút ít về ngữ âm mà thôi.

Có những từ ngữ được coi là từ địa phương Nam Bộ nhưng thực ra chỉ là biến âm của từ toàn dân. Ví dụ các từ sau đây trong từ điển phương ngữ Nam Bộ: *đen lánh (đen nhánh), đề chừng (dè chừng), đỏ lỏm (đỏ lòm), đom (dom), kiếng (kính), chinh vinh (chênh vênh), chóa (lóa), dắm (lắm), lủm bủm (lỏm bỏm), chuột lắt (chuột nhắt), hột (hạt), nghinh (nghênh), ngoảy (nguẩy), ngủm (ngỏm), nhành (cành), nhót (thọt), nhắc (nhấc), nhỉ tai (rỉ tai), nhoáng (loáng), nhỏng nhảnh (đỏng đảnh), nghe lóm (nghe lỏm), nhúi (chúi), nhủi (chui), nhủng nhỉnh (đủng đỉnh), hửi (ngửi), hừng (hửng), hươm (tươm), hường (hồng), im (êm), ĩnh (ễnh), khại (vại), khạp (thạp), khảm (thảm), kháp (khép), khằn (cằn), khẹc (khạc), khều khào (thều thào), khi thường (khinh thường), khét rẹt (khét lẹt), khiếp đởm (khiếp đảm), khuấy rầy (quấy rầy), ngộp (ngạt), nguể ngoải (uể oải), ngợn (nhợn), ngửng (ngẩng), nhách (nhếch), nhăm nhe (lăm le), nhơn (nhân), thạnh (thịnh), thiếm (thím), nhắm (nhằm), mơi (mai), dựa (tựa), hạp (hợp)...*

Ở phương ngữ khác cũng có hiện tượng này. Chẳng hạn, một số vùng quê ở Thanh Hóa không nói *nhanh* mà nói *lanh* (như *chạy lanh lên, nó lanh lắm*), không nói *nhặt* mà nói *lặt* (như *lặt được của* rơi) hay một số tỉnh phía Bắc gọi *trầu* là *giầu* (như *miếng giầu, ăn giầu*), gọi *thầy* là *thày* (như *thày giáo*), gọi *trăng* là *giăng*, gọi *lời* là *nhời* (như *nhời nói*)....

3. Chưa phân định rạch ròi giữa từ cổ (từ toàn dân xưa) và từ địa phương

Một số từ cổ xuất hiện trong các phương ngữ đã được xếp vào từ địa phương nhưng thực chất nó có gốc là từ toàn dân (từ toàn dân xưa). Ví dụ: từ *trốc* (*đầu*), *ngái* (*xa*) có trong ngôn ngữ địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh; *ban* (*lúc, khi*), *nhởi* (*chơi*), *viền* (*về*), *gộc* (gốc tre được đánh ra phơi khô làm củi đun)... hiện vẫn đang được dùng ở Thanh Hóa; *bẹo* (để lộ cho thấy) có trong tên gọi *cây bẹo* (cây có treo hàng hóa, thường là củ quả để giới thiệu nông sản bán trên thuyền), *xức* (bôi), *đìa* (ao hồ)... đang được sử dụng ở Nam Bộ. Đó là chưa kể những từ cổ khác mà hiện nay người dân mọi miền vẫn dùng mà chẳng phải "cổ" một chút nào như *bá* (*bám*) trong *bá vai, bá cổ; ấp* (*ôm*) trong *gà ấp trứng, ôm ấp; hú* (còi bằng đất nung)...

4. Một bộ phận lớn từ toàn dân đang được người địa phương sử dụng

Trong hệ thống từ ngữ địa phương có một số lượng không nhỏ là từ toàn dân. Chẳng hạn, người Nam Bộ đang sử dụng hai lớp từ ngữ: lớp từ ngữ chiếm đại đa số là từ ngữ toàn dân và lớp từ ngữ chiếm tỉ lệ ít hơn là từ ngữ chỉ có ở địa phương này. Chúng ta có thể chia lớp từ ngữ này thành các nhóm nhỏ như sau:

– Nhóm từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng, tính chất... rất riêng của Nam Bộ. Ví dụ: *chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, chém vè, cà lang, bẻ chĩa…*

– Nhóm từ khác âm đồng nghĩa với từ toàn dân. Ví dụ: *mỏ ác - thóp, hộp quẹt – bao diêm, ót – gáy, xuồng – thuyền,…*

– Nhóm từ đồng âm khác nghĩa với từ toàn dân. Ví dụ: *sắn* – từ toàn dân, là *"khoai mì"* theo cách gọi Nam Bộ, *sắn* – cách gọi Nam Bộ, là *"củ đậu"* trong từ toàn dân.

– Nhóm từ chênh nghĩa với từ toàn dân. Ví dụ: *lúa* và *thóc* (nghĩa được phân biệt trong từ toàn dân) - *lúa* (Nam Bộ gọi chung cho cả *thóc* và *lúa*); *nón* và *mũ* (nghĩa được

phân biệt trong từ toàn dân) - *nón* (Nam Bộ gọi chung, không phân biệt *nón* và *mũ*); *yêu* và *thương* (nghĩa được phân biệt trong từ toàn dân) – *thương* (Nam Bộ gọi chung, không phân biệt *yêu* và *thương*).

Như vậy, lớp từ toàn dân đang được sử dụng trong các phương ngữ thì không thể xem là từ địa phương được mặc dù chúng nằm trong hệ thống từ ngữ được dùng ở địa phương. Theo thiển ý của chúng tôi, lớp từ thứ hai như ở phương ngữ Nam Bộ kể trên mới được xem là từ địa phương Nam Bộ.

Mặt khác, sự nhập nhằng giữa từ địa phương và từ toàn dân có thể thấy ở những trường hợp từ ghép hợp nghĩa. Các yếu tố của từ ghép này vốn là những từ đơn mà mỗi vùng phương ngữ khi sử dụng đều có những lựa chọn riêng biệt. Chẳng hạn, các yếu tố *khùng, kiếm, mai, lẹ, lu, ngay, bén, ca, dư, đau, la, phết, bén* trong *điên khùng, kiếm tìm, mai mối, mau lẹ, lu mờ, ngay thẳng, ca hát, dư thừa, đau ốm, la mắng, phết phẩy, sắc bén* chỉ xuất hiện trong từ đơn của phương ngữ Nam Bộ.

5. Chưa rõ ràng trong việc phân định từ địa phương cho mỗi vùng phương ngữ

Trong các từ điển phương ngữ vẫn có các trường hợp nhận diện chưa thật rõ ràng từ địa phương hay từ toàn dân, từ của địa phương này hay của địa phương khác. Ví dụ, từ *láng* – từ chỉ địa hình này được xem là "đặc sản" của Nam Bộ nhưng thực tế nó xuất hiện ngay giữa thủ đô Hà Nội từ rất lâu (còn lưu giữ trong các địa danh như *Láng Thượng, Láng Trung, Láng Hạ*); từ *coi* (đồng nghĩa với từ *xem* ở Bắc Bộ) đâu chỉ có người Nam Bộ dùng mà người Trung Bộ cũng xem như là từ cửa miệng từ xưa đến giờ. Từ *áy* (trong *cỏ áy*) là từ cổ nhưng cũng đang có mặt trong phương ngữ Nam Bộ. Từ *bẹo* (*véo*), *nhận* (*ấn*), *lặt* (*nhặt*), *cứt ráy* (*ráy tai*)... trong phương ngữ Trung Bộ và Nam Bộ đều có. Từ *công* (*tha đi*) được xác định là từ cổ nhưng cũng thấy có trong tiếng Trung Bộ.

Một số nhà ngôn ngữ học cho rằng từ địa phương là "những từ sử dụng hạn chế trong một và một vài địa phương" [2]. Khái niệm "địa phương" và "vài" trong quan niệm này là khó xác định. Tiếng Việt được nhiều nhà Việt ngữ học phân thành bốn vùng phương ngữ (phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Bắc Trung Bộ, phương ngữ Nam Trung Bộ và phương ngữ Nam Bộ). Nếu "địa phương" ở đây được xem là vùng địa lí trùng với vùng phương ngữ như trong tiếng Việt thì một từ nào đó có mặt ở cả bốn vùng phương ngữ này sẽ là từ toàn dân chứ không còn là từ địa phương nữa. Chẳng hạn, những từ ngữ sau đây được cho là từ ngữ địa phương Nam Bộ nhưng cũng thấy chúng xuất hiện trong từ ngữ toàn dân hoặc từ ngữ của nhiều địa phương khác: *đìa, ác ôn, anh em bạn dì, áp (kề bên), ăn cướp cạn, anh em cô cậu, bắt cá (đánh cược), cấp kì (nhanh)...*

6. Từ địa phương đã và đang nhập vào vốn từ toàn dân tạo nên một đường ranh mờ giữa chúng

Cuộc hành trình đi từ từ địa phương đến từ toàn dân là cuộc hành trình lâu dài và liên tục được đánh dấu bằng những điểm kết qua việc "toàn dân hóa" hàng loạt từ địa phương. Có thể nói đây là cuộc hành trình để bàn giao vốn từ. Việc bàn giao này khiến có khi những nhà Việt ngữ học khó khăn trong việc phân định rạch ròi đâu là từ toàn dân, đâu là từ địa phương. Ranh giới từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân lắm khi mờ nhạt là vì vậy.

Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự tiếp xúc văn hóa vùng miền, do đặc điểm dân cư nhiều biến động trong hàng chục năm gần đây, do quy luật phát triển

nội bộ của ngôn ngữ, đặc biệt là bộ phận từ vựng trong quá trình chuẩn hóa ngôn ngữ.

Chúng tôi xin lấy trường hợp từ địa phương Nam Bộ để khảo sát hiện tượng này. Để xác định những từ ngữ thuộc phương ngữ Nam Bộ đã nhập vào vốn từ toàn dân hay chưa, chúng tôi đã căn cứ vào những từ ngữ vốn được xác định là từ địa phương Nam Bộ (qua *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* của Nguyễn Văn Ái) xem chúng có xuất hiện trong *Từ điển từ mới tiếng Việt* (do Chu Bích Thu chủ biên) và trong một số tờ báo lớn hiện nay (như *Dân trí, Tuổi trẻ, Thanh niên*) hay không. Nếu chúng có xuất hiện thì chắc chắn chúng đã được "toàn dân hóa". Cụ thể, trong *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* chúng tôi xác định có 96 đơn vị từ ngữ có trong *Từ điển từ mới tiếng Việt* và trong *Từ điển từ mới tiếng Việt* (số liệu thu thập từ 1985- 2000) có 111 đơn vị thuộc từ địa phương Nam Bộ. Qua hai chiều khảo sát, chúng tôi thấy trùng nhau 6 đơn vị. Như vậy, từ địa phương Nam Bộ nhập vào hệ thống từ toàn dân từ 1985 đến 2000 có 201 đơn vị.

Từ năm 2000 đến nay (thời điểm bài viết này) đã là 14 năm. Vì vậy, con số sẽ còn lớn hơn rất nhiều, nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế và đặc biệt là trong xu thế di dân từ các vùng khác đến Nam Bộ đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ như hiện nay. Có thể nêu ra đây một số từ ngữ Nam Bộ đã thực hiện xong cuộc hành trình này: *bịch (túi), bồ nhí (nhân tình trẻ), bồn cầu (bàn cầu), bụi đời* (người sống lang thang), *bụng bầu (bụng chửa), chích choác* (tiêm chích ma túy), *chịu chơi* (sẵn sàng làm việc gì đó, không tính toán thiệt hơn), *chủ xị* (người rót, điều phối bia, rượu cho mọi người trong bàn nhậu), *chụp giựt* (tranh giành trắng trợn), *cò* (người môi giới, trung gian kiếm lời), *lùm xùm* (tai tiếng ầm ĩ), *mồi* (thức ăn dùng kèm khi uống rượu), *rớt giá (hạ giá), rốt ráo* (triệt để, ráo riết), *sến* (ủy mị, yếu đuối), *thương lái (lái buôn), tiêu chảy (ỉa chảy), tới bến (tới cùng), quậy phá* (phá rối, nghịch ngợm), *chích ngừa (tiêm phòng), dưa leo (dưa chuột), nhà sách (hiệu sách), chìm xuồng* (cố ý bỏ qua, ém nhẹm), *của chùa* (của bố thí, cho không), *đầu nậu* (người trung gian lãnh việc rồi phân công lại cho người khác làm), *dầu nhớt (dầu nhờn), đi bụi* (đi lang thang), *dởm* (giả), *mai* (mối), *nêm* (cho gia vị, mắm muối), *nhà hàng* (cửa hàng ăn uống), *nhậu* (uống rượu, bia), *tiệm* (cửa hàng), *toa* (đơn), *trễ* (muộn), *xe dù* (xe đậu rước khách không cố định), *xỉn* (say), *đồ* (đồ đạc, quần áo), *bột giặt* (xà phòng), *bột ngọt* (mì chính), *gạch bông* (gạch hoa), *bông tai* (hoa tai), *chích* (tiêm), *chỉ vàng* (đồng cân vàng), *cây vàng* (lượng vàng), *máy lạnh* (điều hoà nhiệt độ)...

Cùng với sự phát triển của lịch sử, xã hội, từ ngữ địa phương đã và đang thực hiện cuộc hành trình hòa vào dòng chung từ ngữ toàn dân, bổ sung vào vốn từ toàn dân nhằm làm phong phú, đa dạng thêm vốn từ ngữ dân tộc.

7. Kết luận

Khi xác định từ ngữ địa phương nào đó, ngoài việc phải được phân biệt với từ toàn dân ra, chúng ta nên xem xét thêm các từ ngữ của địa phương khác. Từ địa phương chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong toàn bộ hệ thống từ ngữ được người dân địa phương sử dụng trong giao tiếp hằng ngày. Nếu cho rằng từ địa phương là từ mà chỉ có người địa phương này dùng mà thôi, địa phương khác không dùng thì số lượng từ ngữ trong những cuốn từ điển phương ngữ không thể lớn.

Đến đây, ta có thể phát biểu lại khái niệm về từ địa phương: Từ địa phương là những từ mà ở một giai đoạn nào đó chỉ địa

phương đó có và được người địa phương hiểu và quen dùng.

Việc tách bạch từ địa phương và từ toàn dân là một việc làm khó khăn vì ranh giới giữa chúng khá mờ nhạt và cũng không biện chứng bởi chúng có những biến động liên tục, biến động chủ yếu theo hướng từ địa phương luôn có cuộc hành trình chuẩn hóa để nhập vào từ toàn dân. Việc biến động này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất, chuẩn hoá ngôn ngữ ở Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta hướng phương ngữ đến sự thống nhất, chuẩn hoá nhưng không phải làm mất đi tiếng địa phương để chỉ còn ngôn ngữ toàn dân.

ONE WAY TO UNDERSTAND DIALECTS

Ho Van Tuyen

Thu Dau Mot University

ASBTRACT

Dialects are particularly important in the development of the national language. Many Vietnamese linguists have been considered that there is a clear difference between dialects and common words. However, in practice, the identification of these two systems of words is not easy. We think that there is a blurred boundary between them. The distinction between dialects and common words becomes difficult when we have been confused between phonetic variant words and dialects. There is no clear distinction between ancient words (ancient common words) and dialects. It is also true for the delimitation of dialects of each region. There is also a large proportion of common words that are being used by local people and they cannot be considered dialects. Moreover, the turning of dialects into common words has been a trend these days. This is the reason for a blurred line between dialects and common words.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

[2] Nguyễn Thiện Giáp, *777 khái niệm ngôn ngữ học,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.

[3] Trần Thị Ngọc Lang, *Phương ngữ Nam Bộ (những khác biệt về từ vựng – ngữ nghĩa giữa phương ngữ Nam Bộ và phương ngữ Bắc Bộ)*, NXB Khoa học Xã hội, 1995.

[4] Nguyễn Văn Ái (chủ biên), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ,* NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

[5] Huỳnh Công Tín, *Từ điển từ ngữ Nam Bộ,* NXB Khoa học Xã hội, 2007.

[6] Vương Lộc, *Từ điển từ cổ*, NXB Đà Nẵng, 2002.

[7] Chu Bích Thu (chủ biên), *Từ điển từ mới tiếng Việt,* NXB Phương Đông, 2000.